

ĐẶC ĐIỂM NHÂN CÁCH CỦA NGƯỜI PHẠM TỘI

ĐẶNG THANH NGÀ *

Tóm tắt: Nhân cách của người phạm tội bao gồm các đặc điểm đặc trưng nào? Tại sao hành vi phạm tội này lại do người này thực hiện mà không phải người khác? Tại sao họ lại thực hiện hành vi phạm tội này mà không phải thực hiện hành vi phạm tội khác? Nhiều người có chung hoàn cảnh giống họ nhưng tại sao lại không phạm tội như họ...? Để trả lời những câu hỏi trên đây, cần phải làm rõ hệ thống các đặc điểm nhân cách của con người thúc đẩy họ thực hiện hành vi phạm tội. Bài viết sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp các quan điểm của các nhà khoa học và rút ra các đặc điểm nhân cách nổi bật của người phạm tội như: trí thông minh thấp; tính hung hăng, bốc đồng; sự bất ổn tâm lý cao; tính hướng ngoại cao; nhận thức hạn chế, lệch lạc; không hài lòng với vị trí của họ trong xã hội; luôn mâu thuẫn với những chuẩn mực của xã hội; khả năng tự kiểm soát và khả năng thích nghi xã hội kém. Các đặc điểm nhân cách này chính là những yếu tố thúc đẩy hành vi phạm tội của con người.

Từ khoá: Đặc điểm nhân cách; người phạm tội

Nhận bài: 23/12/2020

Hoàn thành biên tập: 12/5/2021

Duyệt đăng: 12/5/2021

PERSONALITY TRAITS OF OFFENDERS

Abstract: What are typical characteristics of an offender's personality? Why is a specific crime committed by a particular individual but not by others? Why does this individual commit a particular crime but not others? Why other people who live in the same conditions as the offender but they do not commit such crime?... In order to provide reliable answers to the questions raised above, it is necessary to systematically shed light on human personality characteristics that motivate individuals who committed crime. The analytical and synthesis methods are employed in the paper with reference to scientists' viewpoints, by which leads to the conclusion that the offenders' personality traits usually involve essential features regarding low intelligence, aggression and impulsiveness, highly psychological instability, high levels of extroversion, limited and irrational awareness, dissatisfaction towards their social status, deviation from and conflict with social norms, low levels of self-control and social adaptability. These personality traits are considered substantial elements giving rise to human crimes.

Keywords: Personality trait; offender

Received: Dec 23rd, 2020; Editing completed: May 12th, 2021; Accepted for publication: May 12th, 2021

Để hiểu biết hành vi của con người nói chung và hành vi phạm tội nói riêng, cần có sự hiểu biết tâm lý của con người, tri thức về cơ chế tâm lý của các hiện tượng và động cơ của quá trình tâm lý xã hội.

Trên thực tế, nhiều người thường đặt ra

câu hỏi, tại sao hành vi phạm tội này lại do người này thực hiện mà không phải người khác? Tại sao họ lại thực hiện hành vi phạm tội này mà không phải là hành vi phạm tội khác? Nhiều người có chung hoàn cảnh giống họ nhưng tại sao lại không phạm tội như họ...? Để trả lời cho những câu hỏi nêu ra trên đây, cần phải nghiên cứu làm rõ hệ

* Phó giáo sư, tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội

E-mail: dangthanhnga@hlu.edu.vn

thống các đặc điểm nhân cách của con người mà chính những đặc điểm này là yếu tố thúc đẩy họ thực hiện hành vi phạm tội.

1. Một số đặc điểm khác biệt trong cấu trúc nhân cách của người phạm tội

Đặc điểm nhân cách của con người nói chung và của người phạm tội nói riêng được hiểu là tổng hợp các đặc điểm tương đối ổn định của cá nhân xác định các hình thức hành vi điển hình.⁽¹⁾

Mặc dù đều tổng hợp những đặc điểm tương đối ổn định của cá nhân xác định các hình thức hành vi điển hình nhưng theo kết quả của một số nghiên cứu thực nghiệm về nhân cách của những người phạm tội trên cơ sở so sánh với nhân cách của những người không phạm tội trong hai thập kỉ qua cho thấy, có một số đặc điểm khác biệt trong cấu trúc nhân cách của người phạm tội, cụ thể:

1.1. Trí thông minh

Khi nói về trí thông minh của một người, trong đó có người phạm tội, chúng ta thường đề cập đến chỉ số thông minh (IQ). Mối liên hệ giữa trí thông minh và tội phạm được coi là mối tương quan nghịch biến. Điều này có nghĩa là những người có chỉ số IQ cao thì tỉ lệ nguy cơ phạm tội sẽ giảm và những người có chỉ số IQ thấp sẽ có nhiều khả năng trở thành người phạm tội. Goddard là một trong những nhà nghiên cứu đầu tiên đề xuất luận điểm này. Ông cho rằng, chính sự kém thông minh khiến người phạm tội không thể nhận thức được những hành vi được xã hội chấp nhận và không kiềm chế được những hành vi phạm tội của mình.⁽²⁾ Nghiên cứu sau đó của

Zeleny cho rằng, người phạm tội có xu hướng đạt được số điểm thấp hơn hai lần trong các bài kiểm tra IQ so với những người không phạm tội.⁽³⁾ Một số nghiên cứu tương tự lại khẳng định, những người có trí thông minh kém hơn như việc học tập và tiếp nhận các quy tắc đạo đức hạn chế thì có khả năng trở thành người phạm tội lớn hơn. Có thể do tính chất đơn giản của nó và những kết quả nghiên cứu đã chỉ ra một cách thuyết phục mà lí thuyết này đã rất phổ biến trong nhiều năm qua và hiện nay vẫn nhận được sự quan tâm đáng kể của nhiều nhà khoa học, nhiều nhà chuyên môn về vấn đề này.

Các kết quả nghiên cứu về trí thông minh trong một thời gian dài đã chỉ ra rằng, trí thông minh là yếu tố dự báo tương đối đáng tin cậy về khả năng phạm tội khi trẻ em đến tuổi trưởng thành. Công trình khoa học của Farrington đã tiến hành nghiên cứu một nhóm đối tượng nam giới kể từ khi sinh ra cho đến khi trưởng thành. Thông qua nghiên cứu này, Farrington cho rằng, hơn 1/3 trong số những em từ tám đến mười tuổi đạt được ít hơn 90 điểm (dưới mức trung bình) trong bài kiểm tra trí thông minh phi ngôn ngữ, sau đó đã bị kết án về một tội phạm khi đến tuổi trưởng thành. Tỉ lệ này gấp đôi tỉ lệ kết án của những đứa trẻ còn lại trong tổng số mẫu nghiên cứu. Người ta cũng phát hiện, chỉ số thông minh phi ngôn ngữ thấp trong độ tuổi từ 10 đến 13 là đặc điểm đặc trưng cho việc tái phạm ở người

Consequences, 1914.

(3). Marsh, I. Melville, G. Morgan, K. Norris, G. Cochrane, J., *Psychological explanations for Criminal Behavior, Crime and Criminal Justice*, New York, NY: Routledge, 2011, p. 56.

(1). Г. Г. Шиханиов, *Юридическая психология*, Учебник для вузов, Зерцало-М, 2006, с. 47.

(2). Goddard, *Feeble-Mindedness: Its Causes and*

chưa thành niên và những người bị kết án nói chung.⁽⁴⁾

Có một số lí do để giải thích cho việc tại sao trí thông minh có thể liên quan tới các hành vi phạm tội. *Thứ nhất*, có khả năng những người có trí thông minh kém thường có xu hướng dễ bị bắt khi đang phạm tội. Sự đánh giá và lựa chọn của những người phạm tội này có thể không được sáng suốt như những người sắc sảo, thông minh hơn. Tuy nhiên, hai tác giả West và Farrington đã phát hiện ra mối liên hệ này vẫn tồn tại không chỉ với các đối tượng có hành vi phạm tội bị bắt quả tang mà còn cả đối với các trường hợp người phạm tội tự thú.⁽⁵⁾ *Thứ hai*, có khả năng những người kém thông minh sẵn sàng thừa nhận hành vi phạm tội của mình hơn. Điều này có thể thấy trong các cuộc thẩm vấn với cảnh sát hoặc trong các bản tường trình của người phạm tội. Tuy nhiên, giả thuyết này vẫn chưa và khó có thể được kiểm chứng. Bên cạnh đó, vẫn còn tồn tại luận điểm bảo vệ sự khác biệt về chỉ số thông minh giữa người phạm tội và người không phạm tội, đặc biệt là chỉ số thông minh phi ngôn ngữ.⁽⁶⁾

Về mối liên quan giữa trí thông minh và tội phạm, vẫn còn tồn tại nhiều quan điểm khác nhau. *Thứ nhất*, việc đưa ra định nghĩa chính xác cho thuật ngữ “tội phạm” hay “trí thông minh” không đơn giản. Mặc dù việc sử

dụng các bài kiểm tra IQ đã được cải thiện một cách đáng kể từ khi các tác giả Goddard và Zelany sáng tạo ra nhưng những tranh luận về việc trí thông minh thực sự là gì vẫn tồn tại. *Ví dụ*: một số người có thể là nhà toán học rất có năng lực nhưng lại có kĩ năng xã hội kém, hay một số người có thể là những nghệ sĩ tài năng nhưng lại rất kém trong việc sắp xếp, tổ chức công việc của bản thân. *Thứ hai*, những yếu tố khiến cho một người trở thành người phạm tội cũng được tranh luận rất rộng rãi. Không thể coi một người là người phạm tội chỉ vì họ đã vi phạm pháp luật. Phần lớn mọi người đều đã phạm phải một lỗi nào đó, cho dù chỉ là những lỗi nhỏ như khi lái xe chạy quá tốc độ cho phép. Vì vậy, không thể chỉ vì một người nào đó bị phát hiện đã vi phạm pháp luật mà chúng ta nhìn họ khác với những người còn lại, bởi lẽ trong số những người còn lại, có thể có những người đang tìm cách trốn tránh để không bị bắt vì hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra, có lẽ có những sự khác biệt lớn giữa những người bị kết án vì gian lận tài chính và một người phạm tội giết người. Tóm lại, rất khó để có thể định nghĩa và đo lường mối quan hệ giữa trí thông minh và tội phạm.

Mặc dù có nhiều hạn chế trong việc giải thích hành vi phạm tội thông qua trí thông minh nhưng vẫn còn khá nhiều nghiên cứu đề cập trí thông minh như một biến số trong phân tích hành vi phạm tội. Tuy nhiên, cần phải thừa nhận rằng, không chỉ sự kém thông minh mà sự nghèo khó và các yếu tố xã hội khác cũng chi phối hành vi phạm tội của con người. Nhiều nghiên cứu đã chứng minh, những người có thu nhập thấp hay thất nghiệp có khả năng tham gia vào các hành vi

(4). Farrington, D. P, The twelfth Jack Izard Memorial Lecture, “The development of offending and antisocial behavior from childhood: Key findings from the Cambridge Study in Delinquent Development”, *Journal of Child Psychology and Psychiatry*, 1995, p. 360.

(5). West DJ, Farrington DP, *The Delinquent Way of Life*. London: Heinemann, 1977.

(6). Marsh, I. Melville, G. Morgan, K. Norris, G. Cochrane, J., sđd, p. 57.

phạm tội nhiều hơn so với những đối tượng khác.⁽⁷⁾ Do đó, không thể dựa trên lí do duy nhất là chỉ số IQ thấp để đánh giá nguy cơ phạm tội của một người.

Có nhiều yếu tố khác có thể ảnh hưởng đến những hành vi phạm tội. Ví dụ: nếu hai người có cùng một chỉ số IQ nhưng lại có nền tảng gia đình khác nhau: (một giàu, một nghèo) thì nguy cơ thực hiện các hành vi phạm tội sẽ khác nhau. Hành vi của họ không chỉ đơn thuần được thực hiện trên cơ sở trí thông minh. Do đó, gần như không thể tách rời mối liên hệ giữa trí thông minh và xu hướng hành vi phạm tội với môi trường bên ngoài cũng như các yếu tố di truyền nếu có. Hai tác giả Hirschi và Hindelang đã nghiên cứu về mối liên hệ giữa hành vi phạm tội và trí thông minh, sau đó tổng kết và đưa ra kết luận: khi các yếu tố kinh tế xã hội được kiểm soát thì mối liên hệ này vẫn còn đó.⁽⁸⁾

1.2. Tính hung hăng, bốc đồng

Trên thực tế, bên cạnh trí thông minh vẫn có những đặc điểm về nhân cách khác có liên quan đến xu hướng phạm tội. Một trong những đặc điểm đó là tính hung hăng, bốc đồng. Hành vi hung hăng, bốc đồng là hành vi được thực hiện một cách bộc phát, không kiểm soát được bản thân và hiếm khi có sự cân nhắc về hậu quả của hành vi đó. Quá trình “hành động mà không suy nghĩ” này nhận được sự quan tâm nghiên cứu từ các nhà tội phạm học và tâm lí học tội phạm nhằm tìm ra một cách lí giải khác cho câu

hỏi, tại sao một số người thực hiện hành vi phạm tội, trong khi những người khác thì không. Hai tác giả Sheldon Glueck và Eleanor Glueck là những người tiên phong đưa ra những luận điểm như vậy. Họ cho rằng, cơ chế tự kiểm soát bản thân kém dẫn đến những hành vi bốc đồng và thường là những hành vi phạm tội.⁽⁹⁾

Sự hung hăng là một trong những yếu tố có mối liên quan đến hành vi phạm tội của người chưa thành niên⁽¹⁰⁾ và được coi là một đặc tính ổn định cao, với tương quan theo thời gian từ 0,21⁽¹¹⁾ đến 0,63.⁽¹²⁾ Nếu một đứa trẻ vẫn còn hung hăng lúc 8 tuổi thì nhiều khả năng các hành vi này sẽ kéo dài đến tuổi thiếu niên và xa hơn nữa.⁽¹³⁾ Latimer và các cộng sự đã kiểm tra sự tương quan của các yếu tố nguy cơ thuộc cá nhân với hành vi phạm tội trong một mẫu 4.293 thanh niên tại Canada. Nghiên cứu này đã chỉ ra rằng, sự hung hăng là một trong những yếu tố cơ bản nhất trong số các yếu tố cá nhân liên quan đến hành vi phạm tội. Kết quả này thống nhất ở các giới tính khác nhau cũng như việc thực hiện các loại tội phạm

(7). Marsh, I. Melville, G. Morgan, K. Norris, G. Cochrane, J., sđd, p. 60.

(8). Hirschi, T., Hindelang, M. J., “Intelligence and delinquency”, *American Sociological Review*, 1977, p. 42.

(9). Marsh, I. Melville, G. Morgan, K. Norris, G. Cochrane, J., sđd, p. 59.

(10). Farrington, D. P. *Early predictors of adolescent aggression and adult violence*, Violence and Victims, 1989, p. 4.

(11). Derzon, J. H., “The correspondence of family feature with problem, aggressive, criminal, and violent behavior: A meta-analysis”, *Journal of Experimental Criminology*, 6, 2010, p. 263 - 292.

(12). Olweus D., Stability of aggressive reaction patterns in males: A review. *Psychological Bulletin*, 1979, p. 86.

(13). Coie, J. D., & Dodge, K. A., Aggression and antisocial behavior. In W. Damon & N. Eisenberg (Eds.), *Handbook of child psychology* (5th ed.), vol. 3: Social, emotional and personality development (p. 779 - 862), New York, NY: John Wiley & Sons, 1989.

khác nhau.⁽¹⁴⁾ Các tác giả cũng nhấn mạnh tính liên tục của hành vi hung hăng trong các loại tội phạm có tính bạo lực. Farrington cho rằng, khoảng 50% nam giới ở độ tuổi từ 10 - 16 tuổi đã có hành vi mang tính bạo lực và bị kết án về các loại tội có tính bạo lực khi 24 tuổi. Trong khi đó, chỉ có 8% nam giới phạm các tội có tính bạo lực khi 24 tuổi mà trước đó những người này không có hành vi mang tính bạo lực.⁽¹⁵⁾

Các nhà tâm lí đã chỉ ra rằng, do trạng thái thần kinh, trạng thái cảm xúc của người chưa thành niên không cân bằng, dễ đưa họ đến những cơn xúc động mạnh, những phản ứng nóng nảy vô cớ và đó là sự bốc đồng. Sự bốc đồng là một trong những yếu tố nguy cơ dẫn người chưa thành niên thực hiện hành vi vi phạm pháp luật thậm chí là hành vi phạm tội. Những người chưa thành niên có tính bốc đồng thường hay nóng vội, phản ứng với những kích thích mà chưa kịp suy nghĩ trước, khả năng tự kiểm soát thấp, thiếu kiên trì, không có khả năng trì hoãn sự hài lòng, hiếu động thái quá, thiếu chú ý, hay bồn chồn, thích tìm kiếm cảm giác mạnh và chấp nhận rủi ro.⁽¹⁶⁾ Sự bốc đồng của người chưa

thành niên có liên quan đến hành vi phạm tội của họ được biểu hiện qua các nghiên cứu không phân biệt độ tuổi. *Ví dụ:* đứa trẻ có tính bốc đồng ở độ tuổi 10 đến 14 sẽ có hành vi bạo lực gấp hai lần khi ở độ tuổi 18 so với những đứa trẻ khác. Khi ở độ tuổi 16, người chưa thành niên có tính bốc đồng được dự đoán tiếp tục có hành vi bạo lực, mặc dù mối liên hệ đã giảm nhẹ. Sự chấp nhận rủi ro của người chưa thành niên ở độ tuổi từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi, khả năng bạo lực sẽ tăng hơn ba lần khi họ ở tuổi 18 so với những người chưa thành niên khác.⁽¹⁷⁾ Có không ít trường hợp do xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ, nhưng không kiềm chế được sự nóng giận quá khích mà các em đã phạm phải sai lầm, thậm chí thực hiện hành vi phạm tội. Điều này cũng được khẳng định qua kết quả điều tra: Phần lớn người chưa thành niên phạm tội cố ý gây thương tích (81,82%) và giết người (75%) đều cho rằng, việc các em phạm tội trong nhiều trường hợp là do nóng nảy, bị kích động và không kiềm chế được bản thân.⁽¹⁸⁾

Các nhà xã hội học đã tranh luận và cho rằng, có sự khác biệt giữa các tầng lớp khác nhau của xã hội về khả năng trì hoãn sự hài lòng. Những người từ tầng lớp xã hội cao hơn được cho là có thể lên kế hoạch cho tương lai và đi theo một con đường cụ thể

(14). Latimer, J., Kleinknecht, S., Hung, K., & Gabor, T., *The correlates of self-reported delinquency: An analysis of the National Longitudinal Survey of Children and Youth*. Department of Justice Canada. Ottawa, Ontario, 2003.

(15). Farrington, D. P., The twelfth Jack Izard Memorial Lecture, "The development of offending and antisocial behavior from childhood: Key findings from the Cambridge Study in Delinquent Development", *Journal of Child Psychology and Psychiatry*, 1995, p. 122 - 132.

(16). Farrington, D. P., Conduct disorder, aggression, and delinquency. In R. M. Lerner & L. Steinberg (Eds.), *Handbook of adolescent psychology* (3rd ed.,

p. 683 - 722). Hoboken, NJ: Wiley, 2009.

(17). Herrenkohl, T. I., Maguin, E., Hill, K. G., Hawkins, J. D., Abbott, R. D., & Catalano, R. F., "Developmental risk factors for youth violence", *Journal of Adolescent Health*, 26, 2000, p. 176 - 186.

(18). Đặng Thanh Nga, Trương Quang Vinh, *Người chưa thành niên phạm tội - Đặc điểm tâm lí và chính sách xử lí*, Nxb. Tư pháp, 2014, tr. 43.

nhằm gạt hái được những kết quả tốt đẹp bằng cách hi sinh những lợi ích ngắn hạn trước đó. Ví dụ: tham gia vào các chương trình học tập ở cấp giáo dục cao hơn sẽ hoãn lại những lợi ích tức thời của việc có việc làm và kiếm tiền nhưng lại mang lại cơ hội để có được một công việc ổn định với mức lương tốt hơn trong tương lai. Tương tự, người phạm tội được cho rằng sẽ hành động nhằm đạt được những lợi ích, mong muốn tức thời mà thiếu đi sự cân nhắc về hậu quả mà những hành động này có thể mang đến trong tương lai. Ví dụ: vì phạm tội nên bị bắt giam. Vì vậy, người phạm tội thường được cho rằng, có cơ chế kiểm soát bản thân khiến cho họ tìm kiếm sự hài lòng và nhu cầu tức thời.⁽¹⁹⁾ Những nghiên cứu đã quan sát một vài cá nhân trong một khoảng thời gian, thậm chí cả cuộc đời của họ đã chứng minh rằng tính hung hăng, bốc đồng là đặc điểm tương đối bền vững và ổn định của những người phạm tội.⁽²⁰⁾ Tuy nhiên, giống như đối với trí thông minh, mối liên hệ giữa tính hung hăng, bốc đồng và hành vi phạm tội là không hề đơn giản. Trên thực tế có khá nhiều hành vi phạm tội được lên kế hoạch rất tỉ mỉ. Nhiều vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản hoặc cướp tài sản... đòi hỏi người phạm tội phải lập kế hoạch cho việc thực hiện hành vi phạm tội rất chi tiết như lựa chọn đối tượng tác động; thời gian, địa điểm phạm tội; công cụ, phương tiện phạm tội; phương pháp, thủ đoạn thực hiện

tội phạm... Trong những trường hợp như thế, hoàn toàn không liên quan đến bất kì một hành vi hung hăng, bốc đồng nào.

Hành vi liều lĩnh, hung hăng của người phạm tội thường được quan sát, nghiên cứu cùng với các biến số nhân cách và tình huống khác, ví dụ: hành vi phạm tội do ảnh hưởng của việc sử dụng rượu, bia hoặc các chất kích thích mạnh khác như ma túy và các chất gây nghiện... Một số nhà nghiên cứu khác đã làm rõ hơn bản chất của tính hung hăng, bốc đồng và hiếm khi mô tả đặc điểm này như một thuật ngữ bao trùm bất kì hành vi nào là biểu hiện của sự thiếu trách nhiệm và thiếu kiểm soát. Tác giả Dickman đã đưa ra giả thuyết rằng, tính bốc đồng bao gồm hai hình thức riêng biệt: hoạt động đúng chức năng và rối loạn chức năng.⁽²¹⁾ Như vậy, hành vi bốc đồng không tất yếu và không phải bao giờ cũng sẽ dẫn đến hành vi phạm tội. Thực tế cho thấy, nhiều hành vi bốc đồng nếu được thực hiện đúng lúc, đúng chỗ, trong một số tình huống cụ thể thì lại được xã hội đồng tình, hoan nghênh, ủng hộ bởi hành vi “bốc đồng” nói trên đồng nghĩa với sự dũng cảm, phiêu lưu, nhiệt tình, thậm chí quên mình vì lợi ích của người khác và cộng đồng. Gia tăng hoạt động, tính phiêu lưu và nhiệt tình là những đặc trưng cho sự bốc đồng đúng chức năng. Như vậy, sự bốc đồng rối loạn chức năng có mối liên hệ chặt chẽ hơn với việc phạm tội, hành vi này nói chung sẽ đem lại hậu quả tiêu cực cho cá nhân và xã hội. Sự rối loạn mất kiểm soát, đánh giá kém về tình hình thực tế và thiếu

(19). Gottfredson M.R., Hirschi T., “A General Theory of Crime”, *Stanford, CA: Stanford University Press*, 1990.

(20). Farrington D.P., “Motivations for conduct disorder and delinquency”, *Development and Psychopathology* 5, 1993.

(21). Marsh, I. Melville, G. Morgan, K. Norris, G. Cochrane, J., sđd, p. 63.

quan tâm đến hậu quả của hành vi phạm tội là triệu chứng của những người đang gặp phải tình trạng tự phát rối loạn chức năng. Sự khác biệt giữa hai loại tình trạng tự phát này xuất hiện cả ở người lớn và ở trẻ em. Sự phổ biến của tính bốc đồng này trong tất cả các loại tội phạm vẫn chưa được thiết lập một cách chắc chắn. Thế nhưng, cách tư duy không hiệu quả liên quan đến các hành vi phạm tội khá rõ ràng giữa tính hung hăng và bốc đồng. Tội phạm bốc phát nói chung được cho là hành động liều lĩnh nhằm tìm kiếm sự phấn khích trong nhiều tình huống.

Về vấn đề mối liên quan giữa tính hung hăng, bốc đồng và hành vi phạm tội có những quan điểm và cách nhìn nhận khác nhau. Đây là những cơ sở cho việc giải thích đặc điểm nhân cách của người phạm tội. Ví dụ: với các nhà tâm lý học, sự hung hăng, bốc đồng được cho là kết quả của kỹ năng kiểm soát bản thân kém. Cá nhân trong trường hợp này tìm kiếm sự thỏa mãn bản thân theo những cách có thể vi phạm pháp luật, thậm chí là phạm tội. Ngược lại, các nhà xã hội học cho rằng, sự hung hăng, bốc đồng là sự thiếu tự chủ được thúc đẩy bởi môi trường và tình huống xung quanh cũng như nội tâm của chủ thể.

1.3. Khả năng kiểm soát

Rotter cho rằng, một yếu tố liên quan đến nhân cách và xu hướng hành vi phạm tội là sự kiểm soát của mỗi người.⁽²²⁾ Những người có sự kiểm soát từ bên trong (những người tin rằng thành công của mình là do bản thân mình quyết định) có thể tiếp nhận

các sự kiện bằng sự hiểu biết của chính họ. Những người có sự kiểm soát từ bên ngoài (những người cho rằng thất bại hay thành công trong cuộc đời của họ là do ảnh hưởng từ các yếu tố ngoại cảnh) tiếp các sự kiện như kết quả của một thế lực nào đó vượt quá tầm kiểm soát của họ. Liên quan đến các hành vi phạm tội, người phạm tội thường được cho là có sự sai lệch từ bên ngoài nhân cách của họ. Do đó, người phạm tội thường đặt hậu quả của hành vi của họ có thể xảy ra với chính bản thân mình (ví dụ: bị bắt, bị thương tích, bị chết...) dưới các yếu tố khác như may mắn.

Lí thuyết của Rotter được chấp nhận rộng rãi bởi cả các nhà nghiên cứu tâm lý học và xã hội học. Tuy nhiên, nghiên cứu của Rotter chưa đưa ra lời giải thích thỏa đáng về hành vi phạm tội. Mặc dù vậy, một số nghiên cứu đã chỉ ra rằng, không ít người phạm tội có khả năng kiểm soát bên ngoài rất cao trong khi số người khác thì không. Trên thực tế, có những nghiên cứu lại chỉ ra, một số người phạm tội có khả năng kiểm soát cao hơn so với một số người không thực hiện hành vi phạm tội.⁽²³⁾ Mặc dù có những mâu thuẫn trong nghiên cứu về mối liên quan giữa khả năng kiểm soát và hành vi phạm tội nhưng thực tế khả năng kiểm soát vẫn được cho là một trong những yếu tố dự báo quan trọng về việc cá nhân có nguy cơ liên quan hoặc tham gia thực hiện các hành vi phạm tội.

Hai tác giả Gottfredson và Hirschi đã tranh luận về câu hỏi được đặt ra ở đây không phải là “tại sao một số đối tượng cụ

(22). Marsh, I. Melville, G. Morgan, K. Norris, G. Cochrane, J., sđd, p. 64.

(23). Marsh, I. Melville, G. Morgan, K. Norris, G. Cochrane, J., sđd, p. 66.

thể thực hiện các hành vi phạm tội?” mà phải là “tại sao phần lớn mọi người không làm như vậy?” Câu trả lời của hai nhà nghiên cứu này chính là sự tự kiểm soát bản thân. Theo quan điểm của họ, phần lớn tội phạm đều có liên quan đến lợi ích trước mắt nhưng lại mang đến sự rủi ro và tổn thất lâu dài. Những người tìm kiếm niềm vui và lợi ích trước mắt, chẳng hạn việc trộm cắp vặt có quan điểm về cuộc sống khác hoàn toàn với những người tìm kiếm lợi ích lâu dài hơn.⁽²⁴⁾ Kỹ năng kiểm soát bản thân là đặc điểm quan trọng và cần thiết để bỏ qua những lợi ích trước mắt và tập trung vào những gì có thể đem lại kết quả lâu dài.

Vậy làm thế nào để đạt được kỹ năng kiểm soát bản thân. Hai tác giả Gottfredson và Hirschi cho rằng, kỹ năng này có thể đạt được thông qua cách nuôi dạy tốt của cha mẹ.⁽²⁵⁾ Một đứa trẻ lớn lên trong một môi trường nuôi dưỡng đúng đắn sẽ nhận biết được một số hành vi nhất định được cho phép thực hiện hoặc nếu hành động như vậy sẽ được khích lệ. Ngược lại, những đứa trẻ không được nuôi dưỡng trong môi trường giáo dục tốt, nhiều khả năng chúng sẽ không nhận thức được điều tương tự. Khi đứa trẻ lớn lên, những quy tắc như vậy được nội tâm hoá và sự kiểm soát sẽ chuyển từ cha mẹ hoặc người nuôi dưỡng sang bản thân đứa trẻ. Trẻ học được cách kiểm soát hành vi của bản thân nhờ có các chuẩn mực,

(24). Gottfredson, M.R., Hirschi, T., *A General Theory of Crime*, Stanford, CA: Stanford University Press, 1990, p. 88.

(25). Katz, J., *Seductions of Crime: Moral and Sensual Attractions in Doing Evil*, New York: Basic Books, 1988.

giá trị, ý tưởng về những hành vi phù hợp và chúng sẽ trở thành một phần bản sắc của trẻ. Sự tự kiểm soát bản thân là “liều thuốc” phòng ngừa hữu hiệu nhất cho sự lôi cuốn của các hành vi phạm tội.

Như vậy, trí thông minh, tính hung hăng, bốc đồng và khả năng kiểm soát chỉ là một trong số những đặc điểm nhân cách có liên quan đến hành vi phạm tội. Có thể thấy sẽ rất thiếu sót nếu cố gắng lí giải hành vi phạm tội chỉ bằng một nguyên nhân. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng hành vi phạm tội bị chi phối bởi nhiều yếu tố. Chẳng hạn việc một người nào đó có chỉ số IQ thấp không đồng nghĩa với việc họ sẽ thực hiện hành vi phạm tội. Tương tự như vậy, một số người phạm tội có thể có mức độ tự kiểm soát bản thân cao nhưng lại lựa chọn thực hiện các hành vi phạm tội vì những lí do hoàn toàn khác. Do đó, đã có một số lí thuyết “hoàn chỉnh” cố gắng chỉ ra cách thức các yếu tố trên giao thoa với nhau hoặc với các biến số khác dẫn con người đến việc thực hiện hành vi phạm tội.

2. Một số lí thuyết nổi bật về nhân cách của người phạm tội

2.1. Lí thuyết của Hans Eysenck về nhân cách của người phạm tội

Tác giả Hans Eysenck là một trong những nhà tâm lí học có nhiều đóng góp trong việc xây dựng lí thuyết nổi tiếng nhất về nhân cách trong tâm lí học tội phạm. Cách nhìn nhận về nhân cách của ông khá rộng, cơ bản và gắn kết chặt chẽ với nhân cách sơ khai của một người. Theo quan điểm của tác giả Eysenck, nhân cách được hình thành bởi những khác biệt tinh tế trong não

và hệ thần kinh của từng cá nhân khi tương tác với môi trường và tạo ra những khuynh hướng hành vi nhất định.⁽²⁶⁾

Lí thuyết của Eysenck về cơ bản lí giải nhân cách người phạm tội như là kết quả của sự tương tác giữa ba khía cạnh tâm lí chính: “hướng nội - hướng ngoại”, “ổn định - không ổn định” và “tâm thần”.

Khía cạnh về “hướng nội - hướng ngoại” của tác giả Eysenck được biết đến rộng rãi nhất. Mỗi cá nhân đều ít nhiều có tính hướng ngoại hoặc hướng nội. Về cơ bản, người hướng nội được mô tả là người có xu hướng ngại ngùng, nhút nhát, trầm tính, thu mình, ít muốn chia sẻ về bản thân, thích ở một mình; ngược lại, người hướng ngoại là người năng động, hòa đồng và dễ bộc phát.⁽²⁷⁾ Khía cạnh thứ hai tác giả Eysenck đề cập là về “ổn định - không ổn định”.⁽²⁸⁾ Những người đạt điểm cao trong thang điểm đo không ổn định thường biểu hiện những đặc điểm như lo lắng, trầm cảm và tự ti. Hai khía cạnh có thể được kết hợp và tạo thành bốn loại: hướng nội ổn định, hướng ngoại ổn định, hướng nội không ổn định và hướng ngoại không ổn định. Khía cạnh cuối cùng mà tác giả Eysenck đề cập là về “tâm thần” - thuật ngữ mô tả những người có nhân cách được đặc trưng bởi cảm xúc nghèo nàn, tìm kiếm cảm xúc và thiếu sự

đồng cảm với người khác. Nói cách khác, những người có xu hướng suy sụp tinh thần hoặc bị các vấn đề về tâm thần nói riêng và sức khỏe nói chung.⁽²⁹⁾ Đây là biến số cuối cùng được thêm vào lí thuyết vì ban đầu nó không phải là đặc trưng của tất cả những người phạm tội. Những thử nghiệm sau này đã chỉ ra sự phổ biến của đặc điểm này trong nhiều nhóm tội phạm. Mối quan hệ giữa ba khía cạnh nhân cách cho thấy bản chất nhân cách của người phạm tội. Đặc biệt, sự tương tác giữa các biến số này được cho rằng sẽ hạn chế khả năng của một cá nhân hình thành một lối suy nghĩ và hành động không phạm tội. Những người có chỉ số không ổn định và tâm thần cao cũng như có thiên hướng hướng ngoại dường như có khả năng phạm tội hơn. Ngoài ra, những người hướng nội, có chỉ số ổn định cao và tâm thần thấp thường được coi như những người có khả năng kiểm soát xã hội tốt và ít có khả năng bị lôi kéo vào các hành vi phạm tội.

Hai tác giả McGurk và McDougall phát hiện ra chỉ số không ổn định, hướng ngoại và tâm thần cao rất phổ biến trong nhóm các tội phạm của người chưa thành niên. Mặc dù có nhiều sự pha trộn của ba đặc điểm nhân cách này ở những người không phạm tội nhưng đây cũng là ba biến số duy nhất xuất hiện ở tất cả những người phạm tội. Kết quả trái ngược: chỉ số ổn định, hướng ngoại và tâm thần đều thấp chỉ có thể tìm thấy ở những mẫu nghiên cứu người không thực hiện hành

(26). Eysenck, H. and Gudjonsson, G., *The Causes and Cures of Criminality*, New York: Plenum Press, 1989, p. 247.

(27). Eysenck, H.J. and Eysenck, S.B.G., *The Eysenck Personality Questionnaire*, London: Hodder and Stoughton, 1975, p. 127.

(28). Eysenck, H.J. and Eysenck, S.B.G. *Psychoticism as a Dimension of Personality*, London: Hodder and Stoughton, 1976, p. 34.

(29). Eysenck, H. and Eysenck, M., *Personality and Individual Differences: A Natural Science Approach*, New York: Plenum, 1985, p. 29.

vi phạm tội.⁽³⁰⁾ Vì vậy, sự pha trộn của ba đặc điểm nhân cách này (ví dụ: chỉ số ổn định thấp, chỉ số hướng ngoại cao, chỉ số tâm thần cao) có thể xuất hiện ở cả người phạm tội và người không thực hiện hành vi phạm tội. Chính sự cực đoan trong từng biến số kết hợp là yếu tố để dự đoán hành vi phạm tội ở một người.

Hai tác giả Knust và Stewart cũng đề cập khía cạnh tâm thần dưới thuật ngữ “tâm trí cứng rắn”. Những đặc điểm liên quan đến khía cạnh này bao gồm sự hung hăng, ích kỷ và thái độ lạnh lùng với người khác.⁽³¹⁾ Nhấn vào những khía cạnh này sẽ không có gì đáng ngạc nhiên nếu những người hướng ngoại, không ổn định, có vấn đề về tâm thần và đạt được số điểm cao trong thang đo tâm thần sẽ có khả năng thực hiện các hành vi phạm tội hơn những người khác.⁽³²⁾ Khi hai tác giả Knust và Stewart sử dụng bảng câu hỏi khảo sát nhân cách của Eysenck với các phạm nhân, họ phát hiện ra rằng: những phạm nhân đều đạt số điểm cao ở thang đo hướng ngoại và thang đo tâm thần. Trong nghiên cứu của mình, hai tác giả Knust và Stewart đã chỉ ra rằng: những người phạm tội đang chấp hành án trong các cơ sở giam giữ đều đạt số điểm đặc biệt cao ở các khía

canh: kém hoà nhập xã hội, tâm thần và tính hướng ngoại...

Một đặc điểm nữa liên quan đến tính hướng ngoại là sự tìm kiếm cảm giác hồi hộp và phấn khích. Tác giả Zuckerman đưa ra thuật ngữ “tìm kiếm cảm giác”. Theo ông, thuật ngữ này chỉ “... đặc điểm được xác định bởi hành động tìm kiếm những cảm giác và trải nghiệm đa dạng, mới lạ, phức tạp và mãnh liệt cũng như sự sẵn sàng chấp nhận mọi rủi ro về thể chất, xã hội, pháp lý và tài chính mà những cảm giác cùng trải nghiệm đó mang lại”.⁽³³⁾ Sự tìm kiếm cảm giác này thể hiện ở một số trường hợp sau đây: Một là là khao khát tìm kiếm những cảm giác hồi hộp và phiêu lưu, tác giả Zuckerman chủ yếu đề cập những hành động tìm kiếm cảm giác phiêu lưu hợp pháp thông qua thể thao hoặc các hoạt động tương tự. Hai là là khao khát tìm kiếm những trải nghiệm, đặc biệt là những trải nghiệm khám phá, chẳng hạn qua việc đi du lịch. Ba là là sự thiếu kiềm chế thể hiện ở việc coi thường các quy phạm đạo đức xã hội, thậm chí coi thường cả pháp luật, sự bóc lột và sự đánh giá rủi ro kém. Trường hợp này thường xảy ra ở những người phạm tội có liên quan đến việc lạm dụng rượu, bia, ma tuý và các chất gây nghiện khác.

Lí thuyết của tác giả Eysenck được sử dụng rộng rãi trong nhiều nghiên cứu về tội phạm. Đây là cơ sở của nhiều cuộc thảo luận về bản chất nhân cách của người phạm tội. Do sự thiếu nhất quán của kết quả nghiên

(30). Marsh, I. Melville, G. Morgan, K. Norris, G. Cochrane, J., sđd, p. 76.

(31). Knust, S. and Stewart, A.L., “Risk-Taking Behaviour and Criminal Offending: An Investigation of Sensation Seeking and Eysenck Personality Questionnaire”, *International Journal of Offender Therapy and Comparative Criminology*, 2002, 46: 586 - 602.

(32). Eysenck, H. and Eysenck, M., *Personality and Individual Differences: A Natural Science Approach*, New York: Plenum, 1985, p. 34.

(33). Pakes. F., Winstone. J., *Psychology and Crime - Understanding and tackling offending behavior*. Portland, OR: Willan Publishing, 2007, p. 8.

cứu về các tổ hợp chỉ số không ổn định cao, chỉ số hướng ngoại cao và chỉ số tâm thần cao giữa các nhóm người phạm tội, những yếu tố về nhân cách này thường được coi là quá đơn giản để định nghĩa mọi hành vi phạm tội. Ngoài ra, những tranh luận lớn hơn về việc liệu tội phạm có thể được giải thích dựa trên những yếu tố tâm lý hay không vẫn tiếp tục được đặt ra. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng nguyên nhân phạm tội còn rộng hơn rất nhiều.⁽³⁴⁾ Mặc dù tác giả Eysenck tin rằng các yếu tố sinh học và ngoại cảnh có tác động lớn đến việc hình thành những đặc điểm nhân cách này, song vấn đề “nguyên nhân và ảnh hưởng” vẫn chưa được giải đáp. Tuy nhiên, giả thiết yếu tố về tư duy có ảnh hưởng đến hành vi phạm tội vẫn được công nhận rộng rãi. Theo quan điểm này, tư duy của một cá nhân và những hành vi được thực hiện trên cơ sở của sự tư duy đó có khả năng dẫn đến hành vi phạm tội của cá nhân này.

2.2. Lí thuyết tư duy của hai tác giả Yochelson và Samenow về nhân cách của người phạm tội

Trên cơ sở sử dụng dữ liệu từ các cuộc phỏng vấn người phạm tội nghiêm trọng của một đơn vị cảnh sát ở Washington, hai tác giả Yochelson và Samenow cho rằng, việc quyết định lựa chọn xử sự thực hiện một hành vi phạm tội hoặc thực hiện một hành vi nào đó của một người hoàn toàn nằm dưới sự kiểm soát lí trí của họ. Điều khiến một người trở thành người phạm tội là do tư duy còn hạn chế, lệch lạc và luôn mâu thuẫn với những chuẩn mực của xã hội. Cụ thể hơn, đặc điểm

tư duy của người phạm tội được đặc trưng bởi sự thiếu đồng cảm, nhận thức kém về bản thân cũng như về nạn nhân.⁽³⁵⁾ Tác giả Blackburn nhấn mạnh rằng, hai tác giả Yochelson và Samenow không xem các hành vi phạm tội là hành vi bộc phát mà là những hành vi đã được dự tính trước.⁽³⁶⁾ Tuy nhiên, nỗ lực của các nhà nghiên cứu để tạo ra một lí thuyết toàn diện vẫn còn rất nhiều lỗ hổng. Thứ nhất, giả định của họ được đưa ra dựa trên một nhóm nhỏ người phạm tội bị giam giữ (tổng cộng 240 người) và thiếu sự so sánh. Mẫu nghiên cứu quá nhỏ và phần lớn các đối tượng bị bắt giam vì “lí do tâm thần” nào đó. Do đó, để đưa ra những khẳng định về bản chất nhân cách của người phạm tội chỉ từ một nhóm nhỏ là không thích hợp. Tác giả Hollin cho rằng, hai tác giả Yochelson và Samenow đã phân loại người phạm tội trên cơ sở những lỗi trong nhận thức cho rằng, chúng khác với những người bình thường mà không đưa ra lời giải thích đầy đủ và thỏa đáng.⁽³⁷⁾ Bất chấp những vấn đề trong lí thuyết của Eysenck, Yochelson và Samenow giải thích hành vi phạm tội thông qua cách tư duy hay nhận thức sai lầm của người phạm tội đã trở thành một lĩnh vực nghiên cứu mới.

2.3. Lí thuyết về nhân cách người phạm tội của các nhà tâm lý học tội phạm người Nga

Các nhà tâm lý học tội phạm người Nga,

(34). Marsh, I. Melville, G. Morgan, K. Norris, G. Cochrane, J., sđd, p. 62.

(35). Yochelson, S., Samenow, S.E., *The criminal personality: Vol.1. A profile for change*. Northvale: Jason Aronso, 1976, p. 89.

(36). Blackburn, R., ‘Treatment or Incapacitation? Implications of Research on Personality Disorders for the Management of Dangerous Offenders’, *Legal and Criminological Psychology*, 2000, p. 5.

(37). Marsh, I. Melville, G. Morgan, K. Norris, G. Cochrane, J., sđd, p. 78.

đại diện là tác giả Yu. M. Antonhian đã nghiên cứu một nhóm người phạm tội giết người, hiếp dâm, trộm cắp tài sản, cướp tài sản cũng như cố ý gây thương tích cho người khác. Nhóm đối chứng bao gồm những người tuân thủ pháp luật. Kết quả nghiên cứu cho phép họ đưa ra một bức chân dung tâm lí của những người phạm tội đã được kiểm chứng và làm nổi bật những đặc điểm nhân cách của chúng. Cụ thể, người phạm tội được phân biệt với những người tuân thủ pháp luật bởi sự nhận thức xã hội kém, sự không hài lòng với vị trí của họ trong xã hội, tính bốc đồng, khả năng tự kiểm soát hành vi và khả năng thích nghi xã hội kém.^{(38),(39)}

Tóm lại, trên cơ sở phân tích quan điểm của các nhà khoa học, có thể rút ra kết luận rằng, những người phạm tội thường có các đặc điểm nhân cách nổi bật như: trí thông minh thấp, tính hung hăng, bốc đồng, sự bất ổn tâm lí cao, tính hướng ngoại cao, nhận thức còn hạn chế, lệch lạc, không hài lòng với vị trí của họ trong xã hội, luôn mâu thuẫn với những chuẩn mực của xã hội cũng như khả năng tự kiểm soát và khả năng thích nghi xã hội kém. Những đặc điểm nhân cách này có thể là một trong những yếu tố thúc đẩy hành vi phạm tội của con người./.

(38). Антонян Ю. М., Еникеев М. И., Эминов В. Е., *Психология преступника и расследование преступления.*, М, 1996, с. 24.

(39). Антонян Ю. М., Голубев В. П., Кудряков Ю. П., Бовин В. Г., Некоторые отличительные психологические черты личности преступника // *Личность преступника и предупреждение преступлений.* Сб. научных трудов. М, 1987, с.13 - 26.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Антонян Ю. М., Еникеев М. И., Эминов В. Е., *Психология преступника и расследование преступления.*, М, 1996.
2. Антонян Ю. М., Голубев В. П., Кудряков Ю. П., Бовин В. Г., Некоторые отличительные психологические черты личности преступника // *Личность преступника и предупреждение преступлений.* Сб. научных трудов. М., 1987.
3. Blackburn, R., 'Treatment or Incapacitation? Implications of Research on Personality Disorders for the Management of Dangerous Offenders', *Legal and Criminological Psychology*, 5, 2000.
4. Coie, J. D., & Dodge, K. A., Aggression and antisocial behavior. In W. Damon & N. Eisenberg (Eds.), *Handbook of child psychology* (5th ed.), vol. 3: Social, emotional and personality development (pp. 779-862). New York, NY: John Wiley & Sons, 1989.
5. Derzon, J. H., The correspondence of family feature with problem, aggressive, criminal, and violent behavior: A meta-analysis. *Journal of Experimental Criminology*, 6, 2010.
6. Eysenck, H.J. and Eysenck, S.B.G., *The Eysenck Personality Questionnaire*, London: Hodder and Stoughton, 1975.
7. Eysenck H.J. and Eysenck, S.B.G., *Psychoticism as a Dimension of Personality*, London: Hodder and Stoughton, 1976.
8. Eysenck, H. and Eysenck, M., *Personality and Individual Differences: A Natural Science Approach*, New York: Plenum, 1985.

9. Eysenck H., Gudjonsson G., *The Causes and Cures of Criminality*, New York: Plenum Press, 1989.
10. Farrington, D. P., *Early predictors of adolescent aggression and adult violence*. *Violence and Victims*, 4, 1989.
11. Farrington, D.P., Motivations for conduct disorder and delinquency. *Development and Psychopathology* 5, 1993.
12. Farrington, D. P. The twelfth Jack IZard Memorial Lecture. The development of offending and antisocial behavior from childhood: Key findings from the Cambridge Study in Delinquent Development. *Journal of Child Psychology and Psychiatry* 36, 1995.
13. Farrington, D. P., Conduct disorder, aggression, and delinquency. In R. M. Lerner & L. Steinberg (Eds.), *Handbook of adolescent psychology* (3rd ed., pp. 683-722). Hoboken, NJ: Wiley, 2009.
14. Goddard, *Feeble-Mindedness: Its Causes and Consequences*, 1914.
15. Gottfredson, M.R., Hirschi, T., *A General Theory of Crime*, Stanford, CA: Stanford University Press, 1990.
16. Herrenkohl, T. I., Maguin, E., Hill, K. G., Hawkins, J. D., Abbott, R. D., Catalano, R. F., Developmental risk factors for youth violence. *Journal of Adolescent Health*, 2000, 26.
17. Hirschi, T., Hindelang, M. J., Intelligence and delinquency. *American Sociological Review*, 1977, 42.
18. Katz, J., *Seductions of Crime: Moral and Sensual Attractions in Doing Evil*, New York: Basic Books, 1988.
19. Knust, S. and Stewart, A.L., 'Risk-Taking Behaviour and Criminal Offending: An Investigation of Sensation Seeking and Eysenck Personality Questionnaire', *International Journal of Offender Therapy and Comparative Criminology*, 2002, 46: 586-602.
20. Latimer, J., Kleinknecht, S., Hung, K., & Gabor, T., *The correlates of self-reported delinquency: An analysis of the National Longitudinal Survey of Children and Youth*. Department of Justice Canada. Ottawa, Ontario, 2003.
21. Marsh, I. Melville, G. Morgan, K. Norris, G. Cochrane, J., *Psychological explanations for Criminal Behavior*. Crime and Criminal Justice. New York, NY: Routledge, 2011.
22. Đặng Thanh Nga, Trương Quang Vinh, *Người chưa thành niên phạm tội – Đặc điểm tâm lý và chính sách xử lý*, NXB Tư pháp, 2014.
23. Olweus D., *Stability of aggressive reaction patterns in males: A review*. *Psychological Bulletin*, 1979.
24. Pakes. F., Winstone. J., *Psychology and Crime- Understanding and tackling offending behavior*. Portland, OR: Willan Publishing, 2007.
25. West DJ, Farrington D.P., *The Delinquent Way of Life*. London: Heinemann, 1977.
26. Yochelson, S., Samenow, S.E., *The criminal personality: Vol.1. A profile for change*. Northvale: Jason Aronson, 1976.
27. Шиханиов Г. Г., *Юридическая психология*, Учебник для вузов, Зерцало-М 2006.